**Bài 21 - QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI VÀ PHI ĐỊA ĐỚI**

**I/ QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI**

**1/ Khái nệm**

Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lý và cảnh quan địa lí theo vĩ độ (từ xích đạo đến cực).

 **2/Nguyên nhân** : Do TĐ hình cầu => góc nhập xạ của tia sáng Mặt trời, nguồn năng lượng của Mặt trời đến bề Mặt đất giảm dần từ xích đạo về cực => hình thành quy luật địa đới.

**3/ Biểu hiện của quy luật**

***a/ Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên TĐ : có 7 vòng đai nhiệt***

|  |  |
| --- | --- |
| **Các vòng đai** | **Vị trí**  |
| **Giữa các đường đẳng nhiệt** | **Khoảng vĩ tuyến** |
| Vòng đai nóng | Giữa 2 đường đẳng nhiệt năm 20oC của 2 bán cầu. | Khoảng giữa 2 vĩ tuyến 30oB đến 30oN. |
| Hai vòng đai ôn hòa | Giữa các đường đẳng nhiệt năm 20oC và đường đẳng nhiệt 10oC của tháng nóng nhất. | 30o --> 60o ở cả 2 bán cầu. |
| Haivòng đai lạnh | Giữa đường đẳng nhiệt 10oC và 0oC của tháng nóng nhất. | Ở các vĩ độ cận cực của 2 bán cầu. |
| Hai vòng đai băng giá giá vĩnh cửu | Nhiệt độ quanh năm dưới 0oC. | Bao quanh cực. |

***b/ Các đai áp, và các đới gió trên TĐ***

-Có 7 đai áp:

 + 3 đai khí áp thấp ( ở xích đạo và ở ôn đới)

 + 4 đai áp cao(ở chí tuyến và cực).

- Có 6 đới gió gồm :

 + 2 đới gió mậu dịch.

 + 2 đới gió tây ôn đới.

 + 2 đới gió đông cực.

***c/ Các đới khí hậu trên TĐ***

Mổi bán cầu có 7 đới khí hậu chính là : xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới, cận cực, cực.

***d/ Các nhóm đất và các kiểu thảm TV***

**\* Một số nhóm đất từ xích đạo về cực** : ( có 10 nhóm đất)

 - Đất đỏ vàng, đen nhiệt đới.

 - Đất đỏ, nâu đỏ xavan.

 -Đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.

 - Đất đỏ và cận nhiệt ẩm.

 -Đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng.

 -Đất đen, hạt dẻ thảo nguyên, đồng cỏ núi cao.

 -Đất nâu,xám rừng lá rộng ôn đới.

 - Đất Pôtdôn.

 - Đất đài nguyên.

 - Băng tuyết.

**\* Một số kiểm thảm TV từ xích đạo về cực** : (có 10 kiểu thảm TV)

 - Rừng nhiệt đới, xích đạo.

 - Xavan, cây bụi.

 - Hoang mạc, bán hoang mạc.

 - Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

 - Rừng cận nhiệt ẩm.

 - Thảo nguyên, cây bụi chịu hạn, đồng cỏ núi cao.

 - Rừng lá rộng và hỗn hợp ôn đới.

 - Rừng lá kim.

 - Đài nguyên.

 - Hoang mạc lạnh.

**II- QUI LUÂT PHI ĐỊA ĐỚI**

**1/ Khái niệm**

Qui luật phi địa đới là qui luật phân bố không phụ thuộc vào tính chất phân bố theo địa đới của các thành phần địa lý và cảnh quan.

**2/ Nguyên nhân**

 Do nguồn năng lượng bên trong TĐ 🡪 chia bề mặt TĐ thành lục địa, đại dương và địa hình núi cao.

**3/ Biểu hiện của quy luật**

 ***a- Quy luật đai cao***

- **Khái niệm** : Quy luật đai cao là sự thay đổi có quy luật của các thành phần tự nhiên theo độ cao địa hình.

- **Nguyên nhân** : do sự giảm nhanh nhiệt độ theo độ cao cùng với sự thay đổi về độ ẩm và lượng mưa ở miền núi.

- **Biểu hiện** : Sự phân bố các vành đai đất vàthực vật theo độ cao…

***b- Qui luật địa ô***

**- Khái niệm:** Quy luật địa ô là sự thay đổi có qui luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo kinh độ.

**- Nguyên nhân:** Do sự phân bố của:

 + Đất liền và biển, đại dương làm cho khí hậu ở lục địa phân hóa từ Đông sang Tây.

 + Các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.

**- Biểu hiện:** Sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.

-------------/--------------

PHẦN 2: **ĐỊA LÍ KINH TẾ- XÃ HỘI**

Chương V: ĐỊA LÍ DÂN CƯ

---------------

**Bài 22 - DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ**

**I- DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI**

**1- Dân số thế giới**

- Dân số thế giới : 6477 triệu người (2005), 7000 triệu người ( 30-10-2011)

- Qui mô dân số giữa các nước, các vùng lãnh thổ rất khác nhau.

**2/ Tình hình phát triển dân số trên thế giới**

 Qui mô dân số thế giới ngày càng lớn và tốc độ tăng dân số ngày càng nhanh, đặc biệt từ nửa sau thế kỉ XX.

**II- GIA TĂNG DÂN SỐ**

**1- Gia tăng tự nhiên**

 **a/Tỉ suất sinh thô**

 - Là tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với số dân trung bình cùng thời điểm (đơn vị *0/00*).

 - Các nhân tố ảnh hưởng: yếu tố tự nhiên- sinh học, phong tục tập quán và tâm lí xã hội, trình độ phát triển KT-XH và các chính sách phát triển dân số ở từng nước.

**b/ Tỉ suất tử thô**

 - Là tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình cùng thời điểm (đơn vị *0/00*).

 - Các nhân tố ảnh hưởng:

 + KT-XH ( chiến tranh, đói kém, bệnh tật,…)

 +Thiên tai ( động đất, núi lửa, hạn hán, bão lụt,..)

 - Trong tỉ suất tử thô còn lưu ý đến tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh và tuổi thọ trung bình.

**c/ Tỉ suất gia tăng tự nhiên**

Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô (đơn vị %). Nó được coi là động lực phát triển dân số.

**d/ Ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển KT-XH và môi trường (nhất là ở các nước đang phát triển):** dân số tăng nhanh tạo sức ép lớn đối với

* Việc phát triển kinh tế : cơ cấu-tốc độ ptriển ktế, vốn đầu tư, tiêu dùng và tích lũy.
* Việc phát triển xã hội : khó khăn vấn đề việc làm, nhà ở, giáo dục , ytế, lương thực thực phẩm…
* Tài nguyên, môi trường :làm suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường…

**2- Gia tăng cơ học**

- Tỉ suất gia tăng cơ học được xác định bằng hiệu số giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư (đơn vị %).

- Gia tăng cơ học không ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số trên toàn thế giới nhưng đối với từng khu vực, quốc gia thì có ý nghĩa quan trọng.

**3- Gia tăng dân số**

- Tỉ suất gia tăng dân số được xác định bằng tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học (đơn vị %).

- Động lực phát triển dân số là gia tăng dân số tự nhiên.

**Hướng dẫn BT1, trang 86, SGK**

* Chọn D5,D7,D8,D9,D10 lần lượt là dân số của các năm 1995,1997,1998,1999,2000.
* Ðề bài cho: D8 = 975 triệu người, tỉ suất gia tăng tự nhiên là 2% và không thay đổi.
* Hãy tính : D5,D7,D9,D10 ?

 **Cách tính công thức:**

* D7 => 100%

x => Tg => x = Tg . D7

Dân số năm sau = dân số năm trước đó + dân số tăng thêm.

 - D8 = D7 + Tg.D7 = D7.(1+Tg) => **D7 = D8 : (1+Tg**)

* **D9 =** D8 + Tg.D8 **= D8.(1+Tg)**
* **D10 =** D9 + Tg.D9 **= D9.(1+Tg**)
* D7 = D6 + Tg.D6= D6.(1+Tg) => **D6 = D7 : (1+Tg)**
* D6 = D5 + Tg.D5 = D5.(1+Tg) => **D5 = D6 : (1+Tg)**
* Vậy D1 = D0 + Tg.D0 = D0.(1+Tg)
* D2 = D1.(1+Tg) = D0.(1+Tg).(1+Tg)
* D3 = D2.(1+Tg) = D0.(1+Tg). (1+Tg). (1+Tg)

 =>

 **Dn = D0 . (1+Tg)n**

 n : là khoảng cách năm .